

## BẢN TIN

Về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng,  
chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc  
(Tính đến 15h00' ngày 18/01/2022)

### I. THÔNG TIN CẬP NHẬT VỀ TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

#### 1. Tại Việt Nam

- Tính đến 14h00' ngày 18/01/2022, ghi nhận 2.045.290 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2, trong đó: 1.747.462 điều trị khỏi, 239.577 đang điều trị, 35.791 tử vong (tăng 179 trường hợp).

- Tổng số ca lây nhiễm COVID-19 trong nước tính từ ngày 27/4/2021 đến nay có 2.016.520 trường hợp (tăng 21.691 trường hợp).

- Tổng hợp đánh giá cấp độ dịch tại các địa phương theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế: <https://capdodich.yte.gov.vn/map>.

#### 2. Tại tỉnh Vĩnh Phúc

**2.1. Tổng số ca mắc COVID-19: 6.497 ca (tăng 305),** trong đó:

- Ghi nhận tại tỉnh: 6.484 ca, tăng 305 ca, trong đó: 07 khu cách ly; 224 cộng đồng; 74 cách ly tại nhà (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

- Nhập cảnh cách ly y tế tại tỉnh: **13** trường hợp.

**2.2. Tình hình điều trị:** 2.398 bệnh nhân (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*). Số bệnh nhân đã được điều trị khỏi: 4.092 bệnh nhân (tăng 105). Số bệnh nhân tử vong: 07 bệnh nhân.

**3. Tổng số trường hợp đã được giám sát y tế:** lũy tích **73.392** người.

- Số F1 đang cách ly: 5.413 người (cách ly tập trung: 360); lũy tích: 30.791 người (tăng 906).

- Số trở về từ các vùng có dịch của các tỉnh/thành phố khác từ ngày 22/6/2021 đến nay: 35.191 trường hợp (tăng 97) tại các tỉnh/thành phố: TP HCM (5.437), Hà Nội (14.012), Đồng Nai (445), Bình Dương (597), Phú Thọ (9.165) và các vùng có dịch khác (5.532). Số trường hợp đã lấy mẫu xét nghiệm 64.779 (dương tính: 474, âm tính: 64.283, chờ kết quả: 22).

- Đang cách ly y tế tập trung: 2.632 trường hợp.

- Đang cách ly y tế tại nhà: 4.115 trường hợp.

**4. Tình hình xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 trên địa bàn tỉnh (từ ngày 30/4/2021 đến nay):**

**4.1. Tổng số mẫu được lấy xét nghiệm trong ngày:** 8.466 mẫu (68 Realtime - PCR; 8.398 Test nhanh).

**4.2.** Tổng số mẫu xét nghiệm SARS-CoV-2 toàn tỉnh: 1.880.366 mẫu (6.497 dương tính; 44 nghi ngờ; 1.873.789 âm tính; 36 chờ kết quả), trong đó:

- *Nhóm 1:* Đối tượng đối tượng xét nghiệm theo quy định Bộ Y tế (F0, F1, bệnh nhân có triệu chứng sốt, ho, triệu chứng cúm,...). Trong ngày: 6.520 mẫu, lũy tích: 738.330 mẫu.

- *Nhóm 2:* Đối tượng xét nghiệm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/5/2021 của HĐND tỉnh: 92.988 mẫu.

- *Nhóm 3:* Đối tượng xét nghiệm tự nguyện: 1.049.048 mẫu, trong ngày:

+ Xét nghiệm tại các doanh nghiệp: 0 mẫu, lũy tích: 446.244 mẫu.

+ Xét nghiệm cho người dân: 1.860 mẫu, lũy tích: 602.804 mẫu.

### **5. Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19:**

Tổng số vắc xin đã được nhận: **1.859.820** liều.

#### **5.1. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 18 tuổi trở lên**

- Tổng dân số từ 18 tuổi trở lên: 789.896 người (tính đến tháng 12/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 777.141 người (đạt 98,4% dân số trên 18 tuổi).

- Tổng số mũi đã được tiêm: 1.713.547 mũi (Mũi 1: 777.141; Mũi 2: 767.076, đạt 97,1% dân số trên 18 tuổi; Mũi 3 + Mũi bổ sung: 169.330, đạt 21,4% dân số trên 18 tuổi).

- Kết quả tiêm đợt 10: số tiêm trong ngày: 3.691 người; lũy tích: 1.282.683 mũi, đạt 101,1%.

#### **5.2. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho người từ 12-17 tuổi**

- Tổng số người từ 12-17 tuổi: 113.795 người (tính đến tháng 11/2021).

- Tổng số người đã được tiêm: 107.773 người (đạt 94,7 % dân số từ 12-17 tuổi)

- Tổng số mũi đã được tiêm: 197.712 người (Mũi 1: 107.773 người; Mũi 2: 89.939 người, đạt 79,0% trẻ từ 12-17 tuổi).

- Số tiêm trong ngày: 0 người.

**6. Khoanh vùng, cách ly xã hội:** 0 địa điểm.

## **II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO**

### **1. Các bệnh viện điều trị COVID-19:**

**1.1.** Bệnh viện tuyến tỉnh: sẵn sàng bảo đảm điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19, dự kiến: 544 người.

**1.2.** Bệnh viện tuyến huyện: sẵn sàng các cơ sở điều trị cho các bệnh nhân mắc COVID-19 tại 9 huyện/thành phố với quy mô 50 giường/huyện (tổng 450 giường).

### **2. Các khu cách ly tập trung:**

**2.1.** Thực trạng vận hành các cơ sở cách ly hiện có: tổng số cơ sở đang có các trường hợp thực hiện cách ly: 28 cơ sở.

**2.2.** Phương án nâng cấp/bổ sung thêm các cơ sở cách ly mới: sẵn sàng các địa điểm cách ly y tế tập trung trên địa bàn tỉnh dự kiến có thể tiếp nhận 20.000 công dân.

### **3. Công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh:**

#### **3.1. Công tác quản lý xuất nhập cảnh, hoạt động của người nước ngoài:**

Trong ngày, có 09 người nước ngoài (quốc tịch Hàn Quốc 05, Trung Quốc 04) đến khai báo tạm trú trên địa bàn tỉnh với các mục đích làm việc 04, công tác 05. Hiện

toàn tỉnh có tổng số 2.987 người nước ngoài cư trú, hoạt động, cách ly tại 290 cơ quan, doanh nghiệp, trường học.

### **3.2. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch:**

Lực lượng Công an kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại 03 cơ sở kinh doanh dịch vụ, chưa phát hiện cơ sở vi phạm. Tham mưu ra quyết định xử phạt 05 trường hợp số tiền 5.000.000 đồng về hành vi không đeo khẩu trang nơi công cộng (Yên Lạc); 02 trường hợp số tiền 700.000 đồng về hành vi bỏ khẩu trang không đúng nơi quy định (Vĩnh Tường).

Lũy kế từ ngày 01/5/2021 đến nay, lực lượng Công an Vĩnh Phúc ra quyết định xử phạt hoặc đề nghị xử phạt 4.079 trường hợp số tiền 8.612.500.000 đồng.

## **III. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG DỊCH ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI**

Trước tình hình dịch bệnh COVID-19 trên cả nước tiếp tục diễn biến rất phức tạp, hàng ngày số ca mắc có xu hướng tăng nhanh. Đặc biệt, thành phố Hà Nội trung bình gần 3.000 ca mắc mỗi ngày, các tỉnh giáp với Hà Nội như Hưng Yên, Bắc Ninh trung bình gần 400 ca mắc mỗi ngày,.. Hàng ngày, dòng người di chuyển từ thành phố Hà Nội về Vĩnh Phúc với số lượng lớn, dẫn tới nguy cơ cao dịch bệnh tiếp tục xâm nhập vào các cơ sở sản xuất kinh doanh (CSSXKD) trên địa bàn tỉnh, chỉ tính từ ngày 01/01 đến ngày 12/01/2022 toàn tỉnh đã ghi nhận gần 170 ca dương tính với SARS-CoV-2 có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp với người trở về từ Hà Nội.

Để thực hiện tốt việc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn, đồng thời bảo đảm thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày); Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 ban hành (i) Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 V/v tiếp tục tăng cường thực hiện các biện pháp ***cấp bách, tạm thời*** để phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; (ii) Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 đối với người được phép nhập cảnh vào Việt Nam làm việc ngắn ngày (dưới 14 ngày) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và (iii) Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 chỉ đạo tăng cường thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Cụ thể:

**1.** Tại Văn bản số 309/CV-BCĐ ngày 13/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh yêu cầu Công an tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, UBND các huyện, thành phố thực hiện một số nội dung sau:

1.1. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và yêu cầu các CSSXKD thuộc thẩm quyền quản lý tự thực hiện việc đánh giá nguy cơ lây nhiễm (NCLN) tối thiểu 1 tuần/lần để áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuân thủ thực hiện xét nghiệm luân phiên mẫu gộp cho **từ 05-20% người lao động/1 tuần (5% tương ứng với NCLN thấp, 10% tương ứng với NCLN trung bình, 15% tương ứng với NCLN cao, 20% tương ứng với NCLN rất cao)** và khuyến khích hàng ngày ***tạm thời*** thực hiện xét nghiệm sàng

lọc mẫu gộp cho 100% người lao động ngoại tỉnh thuộc các tỉnh, thành phố đang có số ca mắc cao như thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh,... trước khi vào làm việc tại CSSXKD để đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Yêu cầu tuân thủ tối đa việc thực hiện giãn cách trong cơ sở sản xuất, kinh doanh; đối với CSSXKD có tổ chức ăn cho NLĐ cần phải chia thành nhiều phòng ăn nhỏ, có vách ngăn tại các bàn ăn, chia nhỏ số lượng người ăn trong một ca, đồng thời không sử dụng điều hòa và đảm bảo lưu thông không khí theo một chiều trong khu vực nhà ăn, nơi sinh hoạt chung.

1.2. Khuyến khích các CSSXKD thực hiện xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên cho 100% người lao động sau khi kết thúc đợt nghỉ Lễ, Tết, để đảm bảo 100% người lao động có kết quả âm tính với SARS-CoV-2 mới được vào làm việc, để đảm bảo an toàn, hiệu quả, tiết kiệm tránh nguy cơ dịch bệnh xâm nhập và lây lan dịch bệnh trong CSSXKD.

1.3. Yêu cầu chủ CSSXKD kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19, Tổ an toàn covid của doanh nghiệp thực hiện nghiêm việc kiểm soát người lao động trong đơn vị mình, đặc biệt thực hiện triệt để việc khai báo y tế để thực hiện xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp.

1.4. Trường hợp xét nghiệm tầm soát định kỳ cho kết quả dương tính với SARS-CoV-2, yêu cầu CSSXKD thực hiện cách ly y tế tạm thời trường hợp dương tính theo quy định, đồng thời báo cáo ngay với Cơ quan quản lý trực tiếp, chính quyền địa phương nơi CSSXKD đóng trên địa bàn để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định.

1.5. Tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch khác theo quy định của Ban Chỉ đạo Quốc gia, Bộ Y tế, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh, Sở Y tế.

**\* Văn bản cũng Áp dụng với các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại cơ sở sản xuất, kinh doanh khi có ca nhiễm COVID-19**

- Kích hoạt ngay các phương án phòng, chống dịch khi có trường hợp mắc COVID-19 đã được xây dựng theo quy định.

+ Quyết định phong tỏa tạm thời toàn bộ CSSXKD hoặc từng phân xưởng/dây chuyền sản xuất/tổ sản xuất/khu vực sản xuất/vị trí làm việc có trường hợp mắc bệnh (F0) đến khi thực hiện bóc tác được F0 ra khỏi CSSXKD để chăm sóc, điều trị và cách ly các trường hợp liên quan theo quy định và tình hình thực tế dịch bệnh tại CSSXKD.

+ Cách ly các trường hợp F0 tại chỗ tại CSSXKD, KCN và thông báo ngay cho cơ quan y tế để chuyển cách ly, điều trị và thực hiện khoanh vùng, khử khuẩn theo quy định.

+ Thông báo cho toàn thể người lao động (NLĐ) đang có mặt tại CSSXKD; yêu cầu NLĐ nghiêm túc khai báo y tế, thực hiện 5K, phân xưởng nào ở yên phân xưởng đó; không để xảy ra hoang mang, lo lắng với NLĐ.

+ Lập danh sách NLĐ là F1, các trường hợp khác không có mặt tại CSSXKD gửi Trung tâm Y tế cấp huyện/Ban Chỉ đạo cấp xã nơi NLĐ đang lưu trú, cơ quan quản lý trực tiếp để xử trí theo quy định, đồng thời phối hợp với cơ quan y tế thông báo cho các

đối tượng này ở yên tại nhà/nơi lưu trú, khai báo y tế và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo yêu cầu của cơ quan y tế.

+ Đảm bảo 100% người lao động tại CSSXKD trước khi vào làm việc phải không nhiễm COVID-19. Yêu cầu người lao động thực hiện nghiêm nguyên tắc **“1 cung đường, 2 điểm đến”** đến khi bóc tách được hết F0 ra khỏi CSSXKD, báo cáo với Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản, chính quyền địa phương nơi cư trú về nơi làm việc của mình.

- Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên (mẫu gộp) cho 100% NLĐ trong CSSXKD để nhanh chóng bóc tách người nhiễm COVID-19 ra khỏi CSSXKD để được chăm sóc, điều trị. Trên cơ sở kết quả xét nghiệm SARS-CoV-2 sẽ quyết định các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 một cách phù hợp theo hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế.

- Trường hợp CSSXKD tiếp tục được phép hoạt động, thì nên cần tổ chức xét nghiệm Test nhanh kháng nguyên (*mẫu gộp*) trước khi vào làm việc cho 100% NLĐ của CSSXKD liên tiếp trong 07 ngày đầu, tiếp tục xét nghiệm 07 ngày tiếp theo vào ngày thứ 03, thứ 07; đảm bảo 100% NLĐ khi vào làm việc cần có kết quả xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 nhằm không để dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD (***khí dịch bệnh lây lan, bùng phát trong CSSXKD có thể sẽ bị đóng cửa hoạt động để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định sẽ gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho CSSXKD***).

- Kết thúc 14 ngày thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2, CSSXKD căn cứ diễn biến tình hình dịch COVID-19 để triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định; đồng thời tuân thủ thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên mẫu gộp định kỳ từ 05-20% NLĐ/1 tuần theo quy định.

2. Tại Văn bản số 229/CV-BCĐ ngày 11/01/2022 (*gửi kèm theo TCBC này*), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương thực hiện quyết liệt một số nội dung sau:

2.1. Yêu cầu cán bộ công chức, viên chức, người lao động không đi ra ngoài tỉnh và đến khu vực có nguy cơ cao khi không thực sự cần thiết. Trường hợp do nhu cầu phải di chuyển, yêu cầu thực hiện nghiêm 5K, đồng thời trước khi trở về tỉnh phải thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 cho kết quả âm tính mới được vào cơ quan làm việc và trở về với gia đình.

2.2. Đối với người đến/về Vĩnh Phúc từ khu vực nguy cơ cao, các tỉnh, thành phố khác, đặc biệt là thành phố Hà Nội:

- Khi đến liên hệ công tác, làm việc, giao dịch cần thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên cho kết quả âm tính trước khi vào đơn vị, doanh nghiệp để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, đồng nghiệp và đối tác.

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp luôn chuẩn bị sẵn cơ sở kit test thử nhanh tại cơ quan để tạo điều kiện tối đa cho khách phải kiểm tra, đảm bảo an toàn trước khi vào làm việc.

- Yêu cầu người dân liên hệ với UBND cấp xã nơi cư trú để khai báo y tế và ***vận động người dân tự thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng Test nhanh kháng nguyên, cho kết quả âm tính trước trở về để đảm bảo sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.*** Các trường hợp không tuân thủ thực hiện, nếu để lây lan dịch bệnh ra cộng đồng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chủ tịch UBND cấp huyện hướng dẫn, quy định các điểm xét nghiệm công cộng tại từng địa phương (xã, phường, thị trấn).

2.3. Nghiêm cấm tổ chức ăn uống, hội họp, gặp mặt, liên hoan cuối năm, tổ chức mừng thọ, mừng xuân đông người dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022. Yêu cầu UBND cấp xã, Tổ Covid cộng đồng, Tổ liên gia tự quản giám sát việc thực hiện theo quy định. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đảm bảo làng giữ làng, xã giữ xã, huyện giữ huyện, cơ quan giữ cơ quan, doanh nghiệp giữ doanh nghiệp... để thực hiện phòng, chống dịch bệnh COVID-19 và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

2.4. Tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 đủ số mũi khi có thông báo. Trường hợp chưa được tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 yêu cầu liên hệ và đăng ký với UBND/Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 nơi lưu trú để được hướng dẫn và tổ chức tiêm theo quy định.

2.5. Yêu cầu toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh tăng cường giám sát, thông tin tố giác các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình, hàng xóm và cộng đồng.

2.6. Mọi vướng mắc liên hệ với Trung tâm chỉ huy tỉnh và Trung tâm chỉ huy các huyện, thành phố, cụ thể:

STT	Trung tâm chỉ huy tỉnh và các huyện, thành phố	Số điện thoại đường dây nóng Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19
	<b>TỈNH VINH PHÚC</b>	02113.858.858/ 0854325858
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ VINH YÊN</b>	0858.513.365
<b>II</b>	<b>THÀNH PHỐ PHÚC YÊN</b>	02113.520.678/ 0911.221.718
<b>III</b>	<b>HUYỆN LẬP THẠCH</b>	02113 666 021/ 0332 441.633
<b>IV</b>	<b>HUYỆN TAM DƯƠNG</b>	02113.895.429/ 0857.310.978
<b>V</b>	<b>HUYỆN TAM ĐẢO</b>	02113.686.369/ 0877205138
<b>VI</b>	<b>HUYỆN BÌNH XUYÊN</b>	02113.503.688/ 0886.016.120
<b>VII</b>	<b>HUYỆN YÊN LẠC</b>	02113.836.002/ 0379.969.778
<b>VIII</b>	<b>HUYỆN VINH TƯỜNG</b>	02116.283.686/ 0982.623.466
<b>IX</b>	<b>HUYỆN SÔNG LÔ</b>	02113.666.000/ 0966759989

3. Tại Văn bản số 207/CV-BCĐ ngày 10/01/2022 (gửi kèm theo TCBC này), Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tỉnh quy định, hướng dẫn cụ thể về mục đích; đối tượng áp dụng; nguyên tắc áp dụng; các yêu cầu phòng, chống dịch COVID-

19 cụ thể (1) đối với người nhập cảnh không phải mục đích ngoại giao công vụ; và (2) đối với người nhập cảnh với mục đích ngoại giao, công vụ. Đồng thời, phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các sở, ngành, địa phương; cơ quan, tổ chức mời/đề xuất người nhập cảnh; trách nhiệm của người nhập cảnh ngăn ngừa; trách nhiệm của người tiếp xúc gần với người nhập cảnh ngăn ngừa trong thời gian lưu trú tại Việt Nam; trách nhiệm của đơn vị quản lý địa điểm họp, ký kết, nơi làm việc, địa điểm thực địa./.

**Nơi nhận:**

- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ PCD COVID-19 tỉnh; (B/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố; (Đề P/h chỉ đạo);
- Báo VP, Đài PTTH, Công TTGTĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị có trang thông tin điện tử; (Đề tuyên truyền);
- Phòng VH&TT; TT VH&TT các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- GD, các PGĐ;
- Lưu: VT, TTBCXB.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đỗ Hữu Vinh**

**Phụ lục 1:**  
**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP GHI NHẬN MẮC COVID-19 TRONG NGÀY**  
*(Ban hành kèm theo Bản tin ngày 18/01/2022 của Sở TT&TT)*

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
1	N.T.NHUNG	1985	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
2	N.Q.HUY	2003	Nam	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
3	T.T.HƯƠNG	1995	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
4	D.T.HƯƠNG	1994	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
5	Đ.T.KHÁNH	1986	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
6	N.V.TUẤN	1995	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
7	N.T.LÀ	1966	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
8	L.T.OANH	1985	Nữ	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
9	P.C.HUY	2008	Nam	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
10	N.T.TÂN	1982	Nữ	Son Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
11	N.T.THƠM	1974	Nữ	Son Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
12	D.D.LUU	1965	Nam	Son Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
13	B.T.NGHI	1995	Nữ	Son Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
14	D.T.SON	1982	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
15	S.V.KIỀU	1991	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
16	N.V.HẢO	1994	Nam	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
17	T.T.VÂN	1992	Nữ	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
18	N.T.KHANH	1992	Nam	Phú Xuân	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
19	N.T.HẢI	1970	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
20	N.T.NỘI	1968	Nữ	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
21	T.T.THIỆP	1977	Nữ	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
22	H.V.THẮNG	2000	Nam	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
23	L.T.HIÊN	1990	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
24	Đ.C.THÀNH	1998	Nam	Hương Sơn	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
25	Đ.H.CÔNG	1987	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
26	N.V.BIÊN	1995	Nam	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
27	L.T.TÌNH	1997	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
28	L.V.TOÀN	1991	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
29	T.Q.MINH	2002	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
30	H.T.SƠN	2022	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
31	Đ.T.HOA	2003	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
32	D.V.QUANG	1992	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
33	P.Đ.KIÊN	1999	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng



STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
34	P.T.THỨ	1983	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
35	L.V.NGỌC	2003	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
36	H.T.DUNG	1993	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
37	N.T.VY	1992	Nữ	TT. Gia Khánh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
38	P.T.NGA	1977	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
39	P.T.T.TÂM	1988	Nữ	Son Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
40	L.T.GIANG	1992	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
41	N.T.ANH	1978	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
42	N.T.THƯỜNG	1963	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
43	Đ.T.HẠNH	1984	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
44	N.T.T.THỦY	1997	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
45	L.B.PHÚC	1989	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
46	N.T.NỮ	1994	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
47	V.N.ANH	1990	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
48	N.T.VŨ	1994	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
49	Đ.T.COI	1994	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
50	L.T.BA	1986	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
51	L.T.THU	1991	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
52	T.Đ.HÂN	1991	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
53	B.V.LƯƠNG	1990	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
54	P.V.HỒNG	1990	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
55	T.M.HIỆU	2008	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
56	T.M.ĐĂNG	2014	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
57	N.H.HUY	2016	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
58	D.V.KIÊN	1984	Nam	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
59	T.T.T.HÀ	1998	Nữ	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
60	D.T.THỦY	1997	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
61	T.M.PHAM	2005	Nam	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
62	N.V.KIÊN	1993	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
63	N.V.TIÊN	1982	Nam	TT. Hương Canh	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
64	H.T.TOẠI	1999	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
65	H.X.TÌNH	1999	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
66	T.V.QUYÊN	1999	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
67	N.T.NGUYỆT	1981	Nữ	TT. Đạo Đức	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
68	N.T.BA	1930	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
69	L.T.T.NGÂN	1999	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
70	N.T.L.GIANG	2016	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
71	R.T.NHÂN	1986	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
72	Đ.V.DƯƠNG	1998	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
73	N.Đ.LỢI	2002	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
74	T.V.YÊN	2001	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
75	H.V.DŨNG	1995	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
76	H.X.HƯNG	1995	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
77	N.T.MƯỜI		Nữ	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
78	L.T.HƯƠNG	1979	Nữ	TT. Thanh Lãng	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
79	P.V.HẬU	1993	Nam	Sơn Lôi	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
80	N.H.HOÀNG	1998	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
81	N.V.HÙNG	1997	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
82	N.H.GIÁP	1997	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
83	N.T.XUÂN	1986	Nữ	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
84	N.V.DUNG	1998	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
85	T.T.TÂM	1994	Nữ	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
86	S.V.THÔNG	1997	Nam	TT. Bá Hiến	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
87	H.X.SINH	2003	Nam	Thiện Kế	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
88	L.T.MAI	1983	Nữ	Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
89	Đ.T.MỸ	1989	Nữ	Tân Phong	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
90	H.T.NGUYỆT	1975	Nữ	Liên Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
91	K.V.TRƯỜNG	1990	Nam	Xả Hợp Lý	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
92	N.T.HÀ	2000	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
93	H.P.LAN	1984	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
94	T.V.MŨI	1992	Nam	Bàn Giản	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
95	N.T.NGỌC	2014	Nam	Bắc Bình	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
96	N.T.T.HẰNG	1984	Nữ	Đình Chu	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
97	N.V.NGUYỄN	1971	Nam	Liên Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
98	N.H.HƯƠNG	1982	Nữ	Liên Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
99	P.T.LIÊN	1992	Nữ	Liên Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
100	T.T.NGUYỆT	1979	Nữ	Đồng Ích	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
101	L.T.TU	1982	Nữ	Xuân Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
102	N.T.HẰNG	2002	Nữ	Xuân Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
103	N.V.KIÊN	1992	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
104	N.T.NGÂN	1971	Nữ	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
105	V.T.YÊN	1988	Nữ	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
106	H.Q.ĐẠI	1996	Nam	Thái Hòa	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
107	H.A.TÚ	2001	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
108	N.V.LƯƠNG	1995	Nam	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
109	P.G.HUY	2014	Nam	Hùng Vương	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
110	N.T.MINH	1979	Nam	Đồng Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
111	N.T.LÂM	2016	Nữ	Đồng Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
112	N.T.M.CHÍNH	1946	Nữ	Đồng Xuân	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
113	D.V.HẢO	1973	Nam	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
114	Đ.T.T.MAI	2000	Nữ	Cao Minh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
115	N.V.HỢP	1990	Nam	Xuân Hòa	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
116	V.D.QUÝ	1973	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
117	P.V.NGUYỄN	1988	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
118	N.T.THÔNG	1952	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
119	C.V.THÌN	2002	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
120	L.V.MẠNH	2000	Nam	Nam Viêm	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
121	L.M.CƯỜNG	2003	Nam	Phúc Thắng	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
122	L.T.HẢI	1990	Nam	Ngọc Thanh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
123	N.H.NHUNG	2000	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
124	N.T.MY	2021	Nữ	Tiền Châu	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
125	N.T.GIANG	1998	Nữ	Đồng Thịnh	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
126	N.T.NHUNG	1986	Nữ	Tân Lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
127	N.T.DỤ	1934	Nữ	Tứ Yên	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
128	N.M.LINH	1987	Nam	Yên Thạch	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
129	T.Đ.TRỌNG	1978	Nam	Yên Thạch	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
130	N.T.HOÀ	1971	Nữ	Tân Lập	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
131	N.H.PHÁP	1970	Nam	Bạch Lưu	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
132	N.B.THẢO	2018	Nữ	Nhân Đạo	Sông Lô	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
133	V.T.M.HẢO	2003	Nữ	TT. Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
134	K.T.T.VI	2010	Nữ	TT. Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
135	Đ.V.HẢO	1997	Nam	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
136	P.T.DŨNG	2010	Nam	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
137	Đ.M.ANH	2010	Nam	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
138	N.T.DŨNG	2010	Nam	TT. Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
139	N.K.TRANG	2010	Nữ	TT. Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
140	D.T.THÚY	1999	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
141	N.V.RỒNG	1992	Nam	TT. Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
142	B.T.TÍNH	1982	Nữ	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
143	D.T.THỦY	1998	Nữ	Đạo Trù	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
144	Đ.V.LỘC	1975	Nam	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
145	N.D.TÙNG	2010	Nam	Hồ Sơn	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
146	N.T.N.MAI	1986	Nữ	Minh Quang	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
147	L.T.HÂN	2010	Nữ	TT. Hợp châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
148	H.V.BÃY	1981	Nam	TT. Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
149	N.T.T.MAI	2010	Nữ	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
150	T.D.ĐỨC	2006	Nam	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
151	B.T.TÂM	1985	Nữ	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
152	N.X.TRƯỜNG	1962	Nam	TT. Hợp châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
153	B.T.TÌNH	2002	Nữ	TT. Hợp châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
154	N.T.K.NGÂN	2002	Nữ	TT. Hợp châu	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
155	T.T.N.ANH	1993	Nữ	Tam Quan	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
156	V.T.HƯƠNG	1994	Nữ	Hoàng Đan	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
157	L.T.TÙNG	2019	Nam	Hoàng Đan	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
158	T.H.ANH	2014	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
159	N.D.TÍNH	2013	Nam	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
160	N.D.THÔNG	2010	Nam	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
161	N.T.TUYẾN	1988	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
162	T.T.MINH	1983	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
163	T.T.HÙNG	1982	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
164	T.T.TRANG	2014	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
165	T.T.HUYỀN	1995	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
166	D.T.QUYÊN	1985	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
167	P.T.TUỆ	2002	Nam	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
168	V.V.GIANG	1990	Nam	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
169	Đ.T.SEN	1980	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
170	Đ.T.THU	1997	Nữ	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
171	P.L.VŨ	2013	Nam	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
172	P.L.DŨNG	2010	Nam	Kim Long	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
173	N.T.HƯƠNG	1992	Nữ	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
174	P.T.HẰNG	1999	Nữ	Hợp Thịnh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
175	P.T.VY	1978	Nữ	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
176	T.M.TRANG	2001	Nữ	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
177	N.Đ.THIỆT	1985	Nam	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
178	N.V.BA	1992	Nam	Vân Hội	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
179	N.T.THÚY	1972	Nữ	Hướng Đạo	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
180	K.V.NAM	2010	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
181	N.V.NAM	2002	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
182	V.Đ.H.CHÂU	2012	Nữ	Chân Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
183	V.D.CƯỜNG	2005	Nam	TT. Tứ Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
184	Đ.T.YẾN	1997	Nữ	TT. Tứ Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
185	L.T.THANH	1998	Nữ	TT. Thổ Tang	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
186	B.T.T.HÀ	1994	Nữ	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
187	L.Đ.TRANG	2014	Nữ	Thượng Trưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
188	L.Đ.CUÔNG	1971	Nam	Phú Đa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
189	N.T.HOÀ	1976	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
190	C.V.TÂM	2013	Nam	Việt Xuân	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
191	N.D.KHÁNH	2002	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
192	Đ.T.NGÂN	1979	Nữ	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
193	P.V.DÍCH	1956	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
194	P.D.DŨNG	1956	Nam	An Tường	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
195	B.T.HOÀ	1980	Nữ	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
196	N.V.THUÊ	1974	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
197	N.T.T.HUYỀN	1997	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
198	N.T.DUNG	1976	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
199	N.T.N.GIANG	2019	Nữ	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
200	N.V.THỎA	1964	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
201	T.M.KHANG	2014	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
202	N.T.TOÀN	1965	Nữ	Tam Phúc	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
203	H.B.LONG	2014	Nam	Tam Phúc	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
204	L.P.ANH	2014	Nữ	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
205	T.B.HÙNG	1984	Nam	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
206	K.V.MẠNH	1996	Nam	Yên Lập	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
207	N.T.DẦN	1986	Nữ	Chấn Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
208	N.T.T.NGA	2003	Nữ	Lũng Hòa	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
209	B.M.CHIẾN	2002	Nam	Yên Bình	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
210	N.T.LONG	2012	Nam	Nghĩa Hưng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
211	L.T.THANH	1955	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
212	N.T.LÝ		Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
213	H.V.TIẾN	1967	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
214	H.T.HỒI	1971	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
215	Đ.H.THÂN	1998	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
216	T.T.M.TÂM	147	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
217	N.T.SỨC	1966	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
218	Đ.T.B.THỦY	1962	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
219	H.T.HIỀN		Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
220	N.T.VĨNH	1965	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
221	D.T.THÂN		Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
222	Đ.T.THƯƠNG	1954	Nữ	Đông Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
223	H.T.THU	1962	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
224	N.T.HÒA	1966	Nữ	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
225	D.T.CANH	1957	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
226	D.T.TÁM	1976	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
227	P.T.M.HẰNG	1971	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
228	N.T.PHƯƠNG	1972	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
229	H.T.HỒNG	1969	Nữ	Định Trung	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
230	P.X.VƯƠNG	1993	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
231	Đ.T.HỘI	1959	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
232	N.T.BÔNG	1953	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
233	N.T.BẮC	1991	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
234	N.T.M.NGUYỆT	1979	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
235	P.V.MỘC	1991	Nam	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
236	P.T.SƠN	1974	Nữ	Hội Hợp	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
237	Đ.T.HUYỀN	1981	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
238	N.T.PHƯƠNG	1988	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
239	H.T.CHÀ	1989	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Khu cách ly
240	N.M.NHẬT	2021	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
241	L.T.T.THẢO	1993	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
242	P.T.N.TRANG	1998	Nữ	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
243	N.N.ANH	1981	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
244	L.T.H.LINH	1985	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
245	P.T.N.LAN	1985	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
246	N.V.XUÂN	1952	Nam	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
247	H.T.T.HÀ	1980	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
248	N.T.BÌNH	1956	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
249	N.T.HƯƠNG	1960	Nữ	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
250	P.T.L.HƯƠNG	1961	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
251	N.T.BÉ	1952	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
252	Đ.T.H.DIÊU	2003	Nữ	Ngô Quyền	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
253	Z.Y.DONG	1985	Nam	Khai Quang	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
254	N.Đ.NGỌC	1958	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
255	H.M.QUÂN	2002	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
256	D.T.MÙI	1968	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
257	T.T.THẮNG	1966	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
258	H.N.DIỆP	2011	Nữ	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
259	N.Đ.TÙNG	1991	Nam	Đổng Đa	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
260	N.Đ.LƯƠNG	1993	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
261	L.T.CHIẾN	1992	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
262	P.V.PHAN	1989	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
263	P.D.HÙNG	1996	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
264	N.N.TU	1972	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
265	T.T.HOÀN	1971	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
266	N.V.HIỆP	2000	Nam	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
267	H.T.GIANG	2001	Nữ	Tích Sơn	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
268	H.M.CƯỜNG	1979	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
269	H.Đ.QUANG	1983	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
270	T.Đ.HƯƠNG	1979	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
271	T.S.HIỆP	1982	Nam	Liên Bảo	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
272	N.H.HẢI	2004	Nam	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
273	T.V.QUANG	1984	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
274	T.N.ÁNH	2008	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
275	N.T.N.HÀ	2010	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
276	N.T.HẰNG	1982	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
277	V.T.LOAN	1973	Nữ	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
278	T.V.VIỆT	1991	Nam	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
279	B.N.BẢO	1999	Nữ	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
280	H.A.CHU	1980	Nam	Nguyệt Đức	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
281	V.T.Á.TUYẾT	1986	Nữ	Đại Tự	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
282	N.T.P.LINH	1981	Nữ	Đại Tự	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
283	P.H.VINH	2003	Nam	Bình Định	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
284	V.C.DƯƠNG	2003	Nam	Văn Tiến	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
285	N.T.PHÚC	1978	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
286	T.Q.KHÁI	2021	Nam	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
287	T.T.B.LONG	2018	Nữ	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
288	C.T.CHINH	1988	Nữ	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
289	D.T.MẾN	1982	Nữ	Hồng Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
290	P.T.THUỶ	1990	Nữ	Trung Hà	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
291	L.V.THỊNH	1986	Nam	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
292	P.T.XUÂN	1980	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
293	N.T.TUYÊN	1987	Nữ	Đồng Cương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
294	C.T.NỤ	1982	Nữ	Liên Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
295	P.T.HUYỀN	1985	Nữ	Liên Châu	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
296	T.T.THỊNH	1983	Nữ	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
297	N.G.BẢO	2017	Nam	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
298	T.T.HOÀ	2000	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
299	N.Đ.HIỆP	2010	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới	Địa chỉ thường trú/lưu trú			Phân loại ca bệnh
				Xã/Phường	Huyện/TP	Tỉnh	
300	D.T.HÀ	1983	Nữ	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
301	N.T.QUYẾT	1981	Nam	Trung Nguyên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
302	P.T.T.BÌNH	1977	Nữ	Yên Đồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
303	N.T.DUYÊN	1985	Nữ	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cách ly tại nhà
304	Đ.T.LONG	2012	Nam	Đồng Văn	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng
305	D.V.DŨNG	1975	Nam	Trung Kiên	Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Cộng đồng



**Phụ lục 2:**  
**TÌNH HÌNH CÁC CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN COVID-19**  
*(Kèm theo Bản tin ngày 18/01/2022 của Sở TT&TT)*

<b>STT</b>	<b>Cơ sở điều trị COVID-19</b>	<b>Cũ</b>	<b>Vào</b>	<b>Ra</b>	<b>Hiện có</b>
1	BVDC số 1	84	10	0	94
2	BVDC số 2	81	9	0	90
3	Bình Xuyên (Cơ sở 1)	48	0	9	39
4	Bình Xuyên (Cơ sở 2)	532	95	0	627
5	Lập Thạch (Cơ sở 1)	50	0	36	14
6	Lập Thạch (Cơ sở 2)	70	15	0	85
7	Phúc Yên (Cơ sở 1)	17	12	0	29
8	Phúc Yên (Cơ sở 2)	183	2	18	167
9	Sông Lô (Cơ sở 1)	11	0	0	11
10	Sông Lô (Cơ sở 2)	47	0	5	42
11	Tam Dương (Cơ sở 1)	59	9	8	60
12	Tam Dương (Cơ sở 2)	73	25	1	97
13	Tam Đảo (Cơ sở 1)	53	8	3	58
14	Tam Đảo (Cơ sở 2)	103	19	0	122
15	Vĩnh Tường (Cơ sở 1)	68	3	2	69
16	Vĩnh Tường (Cơ sở 2)	62	23	0	85
17	Vĩnh Tường (Cơ sở 3)	169	5	9	165
18	Vĩnh Yên	173	49	0	222
19	Yên Lạc (Cơ sở 1)	57	25	0	82
20	Yên Lạc (Cơ sở 2)	119	0	15	104
21	Bệnh viện 74 Trưng vương	0	0	0	0
22	Bệnh viện Nhiệt đới TƯ	9	1	1	9
23	Đang cách ly tại các cơ sở cách ly y tế	130	305	308	127
<b>Tổng số</b>		<b>2.198</b>	<b>615</b>	<b>415</b>	<b>2.398</b>